

东南亚研究丛书 范宏贵题

广西民族大学外国语学院

首届

中越语言文化教学与研究

国际研讨会论文集

◎ 黎巧萍 范宏贵 主编

学术
文丛



中国出版集团

世界图书出版公司

东南亚研究丛书 范宏贵题

广西民族大学外国语学院

首届 中越语言文化教学与研究

国际研讨会论文集

◎ 黎巧萍 范宏贵 主编



学术
文丛



中国出版集团

世界图书出版公司

图书在版编目(CIP)数据

中越语言文化教学与研究国际研讨会论文集/黎巧萍,
范宏贵主编. —广州:世界图书出版广东有限公司, 2011.4
ISBN 978-7-5100-3476-3

I. ①中… II. ①黎… ②范… III. ①越南语—文化语言
学—教学研究—国际学术会议—文集 ②越南语—国际学
术会议—文集 IV. ①H44-53

中国版本图书馆CIP数据核字(2011)第066349号

中越语言文化教学与研究国际研讨会论文集

策划编辑:刘正武

责任编辑:刘国栋

出版发行:世界图书出版广东有限公司

(广州市新港西路大江冲25号 邮编:510300)

电 话:020-84451969 84459539

http://www.gdst.com.cn E-mail: pub@gdst.com.cn

经 销:各地新华书店

印 刷:广州市怡升印刷有限公司

版 次:2011年5月第1版 2011年5月第1次印刷

开 本:787mm×1092mm 1/16

字 数:350千

印 张:22.125

ISBN 978-7-5100-3476-3/H·0719

定 价:48.00元

版权所有 侵权必究

咨询、投稿:020-84460251 gzlzw@126.com

国家出版集团

世界图书出版公司



前言

中越两国山水相连，两国人民素有悠久而友好的往来传统。近些年来，两国政治、经贸、文化教育等各方面的友好往来关系更是得到了前所未有的全面而深入的发展。随着两国政治、经济等领域交往与合作的不断发展，两国科研教育领域的合作与往来也日益频繁，文化教育的合作也取得了前所未有的成就。1991年两国关系恢复正常化以来，广西民族大学是中国最早与越南各高校和科研机构展开合作交流的院校之一，在教育科研等方面与越南的合作取得了令人瞩目的成就，成为中国培养越南语人才的重要阵地。2006年10月底，越南河内国家所属人文社科大学校长阮文庆教授率团访问广西民族大学，与广西民族大学校长何龙群教授达成共识，决定每年轮流在双方学校举办“越南语言文化教学与研究”国际研讨会，并由人文社科大学的语言学系和广西民族大学的外国语学院共同承办。这是中国越南语言文化教学与研究界的一大幸事和盛事，为中越两国的越南语言文化教学与研究以及关心越南语言文化的各界人士交流教学经验及科研成果提供了良好的平台，势必将进一步促进中国越南语言文化教育的不断发展，促进两国学术界更广泛的交流。

在两校达成举办“越南语言文化教学与研究”国际研讨会的共识并决定于2007年11月15日在南宁举办“首届中国·越南语言文化教学与研究国际研讨会”后，广西民族大学外国语学院与人文社科大学语言学系就马上着手准备，为研讨会的顺利举办进行了一系列的筹备工作。我校越南语教研室全体教师踊跃参与，分工协作，积极与国内兄弟院校及相关人士联系并发送邀请函。人文社科大学语言学系负责邀请越方专家。研讨会得到中越两国专家学者的积极响应。国内方面，有来自全国开设越南语专业的高校及研究机构的专家学者；越南方面，有来自河内国家大学所属人文社科大学、越南语言语研究所及胡志明市人文社科大学等高校和研究机构的20多位专家参加此次研讨会。

本次研讨会共收到论文43篇，其中国内27篇，越南16篇，内容涉及越南语言文化教学与研究、语法研究、汉越词研究、文学研究、翻译研究等。按上编（教

学篇)、中编(文化篇)、下编(语言文学篇)分组,编成本论文集。越语论文与汉语论文统一编辑,不作区分。本文集所收集的论文内容文字上完全忠于作者,不作丝毫改动,只在排版时稍作版面上的调整,文责自负。本文集的排版工作由韦长福和梁茂华两位老师负责。

广西民族大学外国语学院越南语教研室

2007年11月 中国·南宁

Lời nói đầu

Hai nước Trung - Việt sông núi liền một dải, xưa nay nhân dân hai nước đã có mối quan hệ truyền thống hữu nghị lâu dài. Những năm gần đây, mối quan hệ qua lại trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá giữa hai nước càng được phát triển toàn diện và sâu rộng với mức chưa từng có. Theo sự phát triển không ngừng hợp tác và giao lưu trong các lĩnh vực chính trị và kinh tế, quan hệ hợp tác và giao lưu trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và giáo dục giữa hai nước cũng ngày càng phát triển, hợp tác trong lĩnh vực văn hoá đã đạt được thành tựu lịch sử. Kể từ năm 1991 bình thường hoá quan hệ hai nước, trường Đại học Dân tộc Quảng Tây là một trong những trường đại học của Trung Quốc thiết lập được mối quan hệ hợp tác giao lưu với các trường đại học và cơ quan nghiên cứu của Việt Nam, và đã đạt được thành quả to lớn trong hợp tác về giáo dục và nghiên cứu khoa học. Trường Đại học Dân tộc Quảng Tây đã trở thành một cơ sở quan trọng của Trung Quốc trong việc đào tạo nguồn nhân lực tiếng Việt. Cuối tháng 10 năm 2006, Giáo sư Nguyễn Văn Khánh, Hiệu trưởng trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQGHN đã dẫn Đoàn đại biểu đến thăm trường Đại học Dân tộc Quảng Tây, và nhất trí với Giáo sư Hà Long Quân, Hiệu trưởng trường Đại học Dân tộc Quảng Tây về việc luân lưu tổ chức Hội thảo quốc tế về nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ văn hoá Việt Nam. Lãnh đạo hai trường đã quyết định giao cho Học viện Ngoại ngữ của trường Đại học Dân tộc Quảng Tây và Khoa Ngôn ngữ học của trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội cùng tổ chức Hội thảo. Đây là một sự may mắn và một đại sự kiện trong giới nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ văn hoá Việt Nam tại Trung Quốc, sẽ tạo mặt bằng tốt đẹp cho việc giao lưu kinh nghiệm cũng như thành quả khoa học trong giảng dạy và nghiên cứu ngôn ngữ văn hoá Việt Nam giữa hai nước. Hội thảo ắt sẽ thúc đẩy hơn nữa giáo dục ngôn ngữ văn hoá Việt Nam tại Trung Quốc ngày càng phát triển, mở rộng hơn nữa sự giao lưu khoa học giữa hai nước Trung Quốc và Việt Nam.

Sau khi hai trường đạt được nhận thức chung về việc tổ chức Hội thảo quốc tế và quyết định tổ chức Hội thảo quốc tế về giảng dạy và nghiên cứu ngôn ngữ văn hoá Việt Nam lần thứ nhất tại Nam Ninh Trung Quốc vào ngày 15 tháng 11 năm 2007, Học viện Ngoại ngữ của trường Đại học Dân tộc Quảng Tây Trung Quốc và Khoa Ngôn ngữ học của trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội Việt Nam đã ngay lập tức bắt tay chuẩn bị hàng loạt các công việc

để Hội thảo được triển khai thuận lợi. Toàn thể các thầy cô giáo trong Bộ môn tiếng Việt của trường chúng tôi đã bắt tay vào việc, phân công hợp tác, tích cực liên hệ và phát Giấy mời cho các giới nhân sĩ và các trường đại học có chuyên ngành tiếng Việt ở Trung Quốc; đồng thời, Khoa Ngôn ngữ học của trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội phụ trách liên hệ và phát Giấy mời cho các chuyên gia Việt Nam. Hội thảo đã nhận được sự hưởng ứng tích cực từ các chuyên gia hai nước. Phía Trung Quốc, gần 30 chuyên gia học giả của các trường đại học có chuyên ngành tiếng Việt và các cơ quan nghiên cứu; phía Việt Nam, có hơn 20 chuyên gia học giả đến từ các trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP. Hồ Chí Minh, và Viện Ngôn ngữ học Việt Nam đã đến dự Hội thảo.

Hội thảo lần này cũng nhận được 43 bài báo khoa học, trong đó phía Trung Quốc 27 bài, phía Việt Nam 16 bài, nội dung đề cập đến các lĩnh vực như giảng dạy và nghiên cứu ngôn ngữ văn hoá Việt Nam, nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt, từ Hán Việt, văn học, dịch thuật v.v... Các bài viết được soạn thành cuốn kỷ yếu hội thảo này theo ba chuyên đề: a) giảng dạy, b) văn hoá và c) ngôn ngữ văn học. Các bài viết bằng tiếng Trung và tiếng Việt được sắp xếp lẫn nhau, hoàn toàn tôn trọng tác giả, chứ không thay đổi và sửa chữa chữ nào, mà chỉ điều chỉnh lại trong khi chế bản. Tác giả sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm về bài viết của mình. Kỷ yếu này do Vi Trường Phúc và Lương Mậu Hoa phụ trách chế bản.

Bộ môn Việt ngữ, Học viện Ngoại ngữ - Đại học Dân tộc Quảng Tây
Nam Ninh Trung Quốc, tháng 11 năm 2007

目 录

上编（教学篇）

外语非通用语种“3+1”本科人才培养模式未来发展初探	2
中国学生越语学习中的母语负迁移现象分析	8
MỘT VÀI KINH NGHIỆM THỰC TẾ KHI DẠY TỪ GỐC HÁN CHO SINH VIÊN TRUNG QUỐC HỌC TIẾNG VIỆT.....	17
CÁC KÊNH TIẾP NHẬN VÀ TÍCH LŨY VỐN TỪ CỦA HỌC VIÊN TRUNG QUỐC HỌC TIẾNG VIỆT	23
VỊ TRÍ CỦA NGỮ PHÁP TRONG TIẾN TRÌNH DẠY TIẾNG MỘT VÀI LIÊN TƯỜNG VÀO SÁCH DẠY TIẾNG VIỆT.....	30
TÍNH ĐÁNH DẤU CỦA CÁC BIẾN THỂ CÚ PHÁP (BTCP) VÀ TRÌNH TỰ DẠY CÁC BTCP CHO NGƯỜI HỌC TIẾNG VIỆT NHƯ NGÔN NGỮ THỨ HAI	40
MỘT SỐ BIỂU THỨC ĐÁNH GIÁ CỦA TIẾNG VIỆT TRONG VIỆC GIẢNG DẠY NGÔN NGỮ VĂN HÓA	50
NHẬN DIỆN HÌNH VỊ KHÔNG ĐỘC LẬP TRONG TIẾNG VIỆT VÀ ỨNG DỤNG TRONG VIỆC DẠY TIẾNG VIỆT.....	59
中国越南语翻译、专业的历史与现状.....	64
TÌM HIỂU ẪN DỤ VÀ DẠY THÀNH NGỮ ẪN DỤ TIẾNG VIỆT	71
THẢO LUẬN VỀ MỘT SỐ LỖI PHÁT ÂM CỦA SINH VIÊN TRUNG QUỐC HỌC TIẾNG VIỆT	83
广西小语种人才教育与培养应面向中国—东盟自由贸易区.....	87
加强越语基础教程建设提高中国各高校越语教学质量.....	93
越南教育沿革.....	98
谈游戏在越语基础课程教学中的运用.....	105
TỪ MỚI VÀ VẤN ĐỀ DẠY KHẨU NGỮ CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI.....	110

中编（文化篇）

从语言看越南文化.....	120
《金云翘传》语言的文化特色与翻译.....	136

QUÁ TRÌNH CHỮ HÁN – CHỮ NÔM – QUỐC NGỮ MỘT TIÊU BIỂU CỦA TIẾP XÚC, GIAO LƯU VÀ BẢO SẮC VĂN HÓA VIỆT NAM	146
VÀI SUY NGHĨ VỀ KHÁC BIỆT VĂN HÓA VIỆT NAM – TRUNG QUỐC DẠY SINH VIÊN TRUNG QUỐC VỀ VĂN HÓA GIAO TIẾP VIỆT NAM	151
浅谈越南交际文化的基本特征	158
越南岱依族的“天”信仰	163
关于“死亡”表达禁忌的比较初探	173
越南在中国定制的瓷器与中越文化交流	183
越南在海上丝绸之路上的位置	193
占城文化中的野蛮与儒雅	201
中越动物文化涵义的对比	207
越南的水上木偶及中国的水傀儡	214
中越洪水神话比较	219
中越关于宇宙起源神话故事比较	227
中越饮食文化对比及原因分析	233

下编（语言文学篇）

TIẾNG HÁN TRONG CHÍNH SÁCH NGÔN NGỮ Ở VIỆT NAM	240
MỘT KHUNG CHỨC NĂNG CHO SÁCH “NGŨ PHÁP GIAO TIẾP” TIẾNG VIỆT	251
对越南语借汉词研究的历史追溯	269
汉越词三议	276
HOẠT ĐỘNG CỦA LIÊN TỪ GỐC HÁN TRONG TIẾNG VIỆT	285
KHẢ NĂNG KẾT HỢP TỪ CỦA ĐỘNG TỪ CHUYÊN ĐỘNG TRONG TIẾNG VIỆT (có liên hệ với tiếng Hán)	301
浅谈汉越词对汉语词义的袭承和演变	306
NGÔN NGỮ TRẦN THUẬT CỦA TÁC PHẨM <i>HỒN TRINH NỮ</i> —ĐIỂM NHÌN VÀ NHÂN XUNG	312
越语拒绝言语行为策略选择与社会距离间的交互作用	319
中越夫妻称谓词比较研究	325
汉越数字“三”文化对比及其翻译	332
河内街道名初探	337

能力。我们通常认为非英语专业本科生应具备的基本“1+3”培养模式，即英语专业基本技能包括扎实的英语基本功（听力、口语、阅读）、一定的专业知识（如越南国情等）、宽广的知识面（即相关学科知识）、复合性专业（即选修、辅修、第二学位）、较强的实践和创新能力（即综合能力）、较好的综合素质（即包括思想道德、文化、身体和心理素质等）。同时，在2010年《国家中长期教育改革和发展规划纲要》中，明确提出要“完善非英语专业人才培养模式，提高非英语专业人才培养质量”。这一目标的提出，旨在推动非英语专业人才培养模式的改革，提高人才培养质量，以适应社会发展的需要。

上编

教学篇

在教育部《大学英语教学指南》中，明确提出要“完善非英语专业人才培养模式，提高非英语专业人才培养质量”。这一目标的提出，旨在推动非英语专业人才培养模式的改革，提高人才培养质量，以适应社会发展的需要。在《大学英语教学指南》中，明确提出要“完善非英语专业人才培养模式，提高非英语专业人才培养质量”。这一目标的提出，旨在推动非英语专业人才培养模式的改革，提高人才培养质量，以适应社会发展的需要。

表1 作为越南语专业的本科生，对“1+3”培养模式的看法

94人	10人	3人	数据
对“1+3”培养模式的看法			
认为“1+3”培养模式可行，并能提高人才培养质量			
认为“1+3”培养模式不可行，不能提高人才培养质量			
认为“1+3”培养模式可行，但不能提高人才培养质量			
认为“1+3”培养模式不可行，不能提高人才培养质量			

外语非通用语种“3+1”本科人才培养模式未来发展初探

梁 远

摘要:广西民族大学实施“3+1”本科人才培养模式至今已有15年时间,为国家和地方培养了大量的非通用语外语复合型人才。然而,在实施“3+1”培养模式的15年实践当中,也发现存在有一些问题。本文针对这些问题在教学理念、课程设置、教材改革和管理模式等方面提出了可行应对举措。

关键词:“3+1”, 培养模式, 发展

广西民族大学实施“3+1”本科人才培养模式至今已有15年时间。“3+1”培养模式的独特之处在于把基础教学和实践教学有机地结合起来,充分利用语言对象国良好的语言环境和综合资源,进一步提高学生的专业理论水平,强化口语能力,使学生对语言对象国的各方面情况有更为直观、深入的了解。15年来,广西民族大学的非通用语种专业以这种独特的培养模式为国家和地方培养了大量的非通用语外语复合型人才。2001年1月被国家教育部批准成为国家外语非通用语种本科人才培养基地。以越南语为代表的非通用语种专业作为第一批本科招生专业,年年爆满,非通用语种专业已成为学校生源最好、就业率最高、竞争力最强的热门专业。越南语专业办成了广西精品专业,越语口语课程今年还申报了国家精品课程。2003年,越南语专业学生在“首届全国大学生越南语口语演讲大赛”上,获得了1个一等奖、1个二等奖、1个三等奖的喜人成绩。2005年,在“第二届全国大学生越南语口语演讲大赛”上,又获得了2个一等奖、4个二等奖、3个三等奖的优异成绩,获奖数目和等级位居全国同行院校首位。应该说,越南语专业办得如此出色,在社会上知名度大增,“3+1”培养模式功不可没,为我校培养适应国家和市场需求的高素质复合型人才做出了积极的贡献。

一、“3+1”培养模式存在的问题

然而,我们也发现在实施“3+1”本科人才培养模式的15年实践当中,还存在有一些问题:

1. 人才培养模式时间分配是否合理值得商榷。“3+1”培养模式即非通用语专业学生先在本校学习两年专业基础课,第三年由学校把学生送到所学语言对象国留学一年,第四年回国继续学习的模式。以越南语专业为例,大三学生到越南留学一年,笔者认为时间过长。理由有三点:

一是从我们的培养目标来看,付出和回报不成正比。培养具有过硬的专业技能(语言

能力)的适应国家和市场需求的高素质复合型人才是我们教学的最终目标。这里的专业技能包括扎实的语言基本功(越语、英语、汉语)、一定的专业知识(如越南国情等)、宽广的知识面(即相关学科知识)、复合性专业知识(即选修、辅修、第二学位)、较强的实践和创新能力(即综合能力)、较好的综合素质(即包括思想道德、文化、身体和心理素质等)。我们为学生在越南留学一年制订的目标是:一是充分利用越南优越的语言环境和综合资源,进一步提高学生的专业理论水平,提高学生的语言应用能力和社会实践能力,二是为学生进一步了解越南国情及社会风俗文化创造有利条件。用一年来达到这个目标笔者认为时间过长。笔者曾就“你在越南一年主要学到了什么?”(表1)这个问题对越南语教研室的部分教师和03、04级本科以及04、05级研究生共106人进行了问卷调查:

表1 在越南留学一年你在以下哪方面有了明显提高?

口语	翻译	写作	其他
102人	25人	17人	30人
96.2 %	23.5 %	16%	28.3 %

从上表可以看出,96.2%的学生主要是在口语方面有了明显提高,而其他方面提高不明显。用一年时间来主要提高自己的口语,这个代价是不是有点太大了?要知道,除了口语,我们的学生需要学的东西还很多。付出和回报明显不成正比。甚者有点得不偿失。

二是容易造成学生学习的惰性。由于有一年的时间留学,越方学校安排的课程又不多,很多学生没有学习的紧迫感,有的到越南后居然需要两个月的时间才进入学习的状态。

三是影响了很多学生想学习辅修专业的计划。对学校开设的其他辅修专业,越南语专业的学生可以说是心有余而力不足。因为他们根本不可能选修,主要是时间上不允许,在越南的一年时间,他们是不可能回学校上课的,而按照学校的规定,要学习辅修专业的学生只能在大三才可以选修。根据笔者的问卷调查,(表2)有超过88.6%的学生为了拓宽自己的知识面,愿意学习辅修专业。“3+1”培养模式从理论上就没有给他们这个机会。

表2 作为越南语专业的本科生,你希望攻读辅修专业吗?

希望	不希望	无所谓
94人	10人	2人
88.6%	9.4 %	1.8%

2. 管理体制不完善。我校没有派人在越南专职管理学生,学生犹如“放羊”,有事情不知道找谁解决。越方学校也是疏于管理,这表现在两个方面:一是对中国留学生,没有行之有效的管理措施,学生逃课旷课现象严重,据04级2班同学反映,他们班最少的时候只有2个人上课,不少学生因经常外出打工做兼职翻译而耽误学业;二是对任课教师

的管理。大部分教师上课还是很认真负责、精心备课的,但也有部分教师责任心不强,上课随意迟到,甚者无故不上课或找他人代课。教学方法单一,死板,缺乏深度,有的一个学年下来基本都不布置作业,即使布置也不检查。对此学校没有起到监管作用。

3. 教学内容和教材的知识结构单一,内容陈旧老化。(表3)教材选用随意性较大,系统性不够。据了解,在河内国家大学下属人文社科大学开设的15门课程中,只有6门是正式出版的教材,有8门是发复印材料,有1门没教材;外语大学则是全部统一使用学校编的内部教材。两个学校的教材共同特点都是以培养越语听、说、写、译技能为主,都存在深度不够的问题,在以培养复合型人才为宗旨的今天,这类教材难以满足教学发展的需要。

表3 你认为越南学校使用的教材规范吗?

规范	不规范
11人	95人
10.3 %	89.6%

4. 课程设置不合理。主要是课程重复,比如翻译、越南文学选读和报刊等课,在越南和国内都开设,授课内容双方都是以本国国情来设计。其次是课程设置面不够广,除了越语技能课外少有涉及其他学科。

二、应对的举措

如何应对全球化的发展趋势,充分利用毗邻越南、中国—东盟博览会永久落户广西南宁市的优势,培养出高素质的外语非通用语人才,这是摆在我们面前的一个重要的现实问题。目前社会对外语人才的需求已呈多元化趋势,单一的越南语专业基础知识和技能型人才已不适应市场需求。必须转向培养具有扎实的越南语专业基础知识和比较广泛的科学文化知识,重能力、求创新、一专多能的高质量应用型和复合型人才培养模式。实践证明,掌握越南语和越南相关知识,精通英语、涉猎其他专业知识的人才更受用人单位的青睐,这也是我们未来的一个发展目标。为此笔者建议学校应采取一些切实可行的举措:

1. 缩短留学时间,实施“3.5+0.5”模式。(表4)实践证明,外语学习并非时间越长效果越好。从生理和心理的角度来看,从语言学习的特殊规律来看,语言能力的培养通过强化和集中训练学习更为有效。只要课程安排科学合理,学生就会有学习的紧迫感,会收到事半功倍的效果。“3.5+0.5”模式有助于学校有更充裕的时间安排更多的培养学生综合素质的课程,也有助于学生选择自己喜欢的辅修专业充实自己,还可以减轻学生的经济负担。

表4 如果你可以选择以下培养模式，你会选择

“3+1”模式	“3.5+0.5”模式
26人	78人
24.5%	73.5%

2. 学生应该带着毕业论文选题去留学。很多学生在出国前，对自己的毕业论文选题是茫然不知所措的，有的像无头苍蝇，不管有用没用，什么资料都乱收集一通，而真正到写论文的时候又无从下手，写出来的论文或有据无论，或据多论少，只是罗列堆积不少资料，有的回国后因临时更改论文选题，不得不到学校的资料室重新找资料，白白浪费了越南图书馆得天独厚的资源优势。笔者建议学生除了完成规定的学习任务外，应该有备而去，带着自己的论文选题，有针对性地积极收集有价值的资料，这对高质量地完成毕业论文是很有好处的。

3. 采取有效措施加强管理工作。学校的国际交流处和外语学院以及其他学院一定要协调好关系，和越方学校要相互沟通，签订好相关协议。要采取切实可行的措施，做好留学生的管理工作。在管理学生方面，学校应配备一名专职教师在越南负责管理留学生，这样可以及时了解学生的思想动态，一旦发现问题可以及时做思想工作，帮助学生正确处理好打工和学习的关系，端正学习态度。此外，应该和国内一样健全考勤制度。由学习委员负责考勤学生和教师的出勤情况，学生缺课太多提出批评教育，情况严重者不允许参加考试，教师无故迟到或缺课应统计好上报学校，作为学校考核教师是否称职的一个因素；在管理上课教师方面，双方学校要达成共识，制定好奖惩措施，越方学校应尽可能地选派一些责任心强的优秀教师任课，对有些责任心不强和上课质量不佳的教师应加强教育，并且作为奖惩考核的指标，切实履行双方达成的培养人才协议。

4. 加强教材的针对性和实用性。建议越方学校组织一些教学经验丰富的教师编写一套适合中国人学习、专供大三学生学习的教材。新编写的教材应注意更新教学内容，加强题材和体裁的多样化，涉及领域广泛、难易适中。两个学校是不是可以考虑集中人力、物力，共享资源，编写统一使用的教材？因为合作是长期的，我们眼光应该放远一点。

5. 优化课程设置。课程设置首先应考虑对外语人才的基本要求，1998年8月，高校外语专业教学指导委员会在《关于外语专业面向21世纪本科教育改革的若干意见》中明确提出新世纪外语人才的规格，即具有“扎实的基本功、宽广的知识面、一定的专业知识、较强的能力和较强的素质”。

以越南语专业为例，扎实的语言基本功应该包括越语、英语、汉语，一定的专业知识即越南国情等，宽广的知识面即相关学科知识、复合性专业知识即包括选修、辅修、第二学位等，较强的实践和创新能力即综合能力，较好的综合素质即包括思想道德、文化、身体和心理素质等。

良好的课程体系是保障复合型人才质量的前提,课程设置则是培养目标的充分体现,也是外语人才培养的根本途径。因此优化课程设置、完善课程体系对于提高人才质量至关重要。

近年来,随着越南语教研室教学队伍的不断壮大,我们在原有的语音、基础越南语、听力、外台、口语等主干课程的基础上,陆续开设了写作、笔译、口译等技能应用型课程以及东南亚历史与文化、越南国情与中越关系和越南文学等知识型课程,还有国际贸易、经贸越语和旅游越语等培养其他技能的课程,进一步丰富完善了我们的课程体系。

现在的主要问题是设置好大三这一年的课程。如果实施“3.5+0.5”模式,那么就要重新设置在越南半年的课程,以提高教学效果。建议学校进一步完善教学计划,而且关键是抓落实。和越方学校多进行沟通,提出具体教学计划,明确我们的培养目标、开设什么课程、采用什么教材、配备什么样的师资。特别是落实好课程设置,避免课程重复。建议越南文学选读和报刊选读这两门课放到越南去上,翻译在国内上效果比较好。或者越方承担中译越课程,中方承担越译中课程。

6. 注重培养学生较宽广的知识面和较高的综合素质。外语教学的最终目的是培养学生的外语交际能力,在这里我们不能简单地将“交际能力”等同于“会说话”,以为口语提高了就达到目的了。从交际能力的本质来说,交际能力是一种综合素质的体现,不是仅仅会几句口语就说某人具备了交际能力。交际能力还需要广博的知识面,良好的社会和心理素质等。

广西民族大学越南语专业毕业的学生在国内确实以口语流利地道见长。但仅有这个特长就够了吗?在问卷调查中,笔者发现,我们的不少学生也只是口语过得去而已,让人担忧的是他们的中文知识欠缺,知识面过窄,知识结构需要拓宽。有的越语好,中文差,有的中文好,越语差。有的学生认为自己是中国人,汉语就自然会好,因此对汉语课程没有引起足够的重视。从历届的毕业生情况来看,汉语水平差的学生翻译出来的文章有句子不通的,有词不达意的,甚至有译错的,如把乾隆译成干龙等等,还有的把越南人名、地名译错的。我们知道,公元初至19世纪末,汉字是越南官方使用的正式文字;公元前后至20世纪初期,汉字是越南学校学习使用的最主要的文字;汉字是越南古代文学创作使用历史最长的文字。在现代越语中,汉语借词约占越语全部词汇的70%左右。没有扎实的汉语基础,很显然就不可能学好越南语言和文学,就不可能更好地研究越南文化。我们很有必要继续开设现代汉语、汉语写作、中国文化等课程,切实提高学生的汉语水平。

三、结语

时代发展需要创造性的人才,培养出具有过硬的专业技能(语言能力)的适应市场需

求的高素质复合型人才是我们教学的最终目标。如何适应新形势,为社会输送更多的具有创造性的非通用语人才,是我们每一位非通用语教育工作者所面临的挑战。我们应在教学理念、课程建设、教材建设、知识更新、管理模式等方面加大改革力度。同时进一步加强与越方高校的密切合作,切实采取有效措施,共同培养高质量的人才,为两国的政治、经贸、文化往来和友谊做出更大的贡献。

(作者为广西民族大学外国语学院副教授)

(一)中国学生在越南语语音方面的母语负迁移

汉语和越南语都是单音节文字。汉语每个音节由三部分构成——声母、韵母和声调;越南语每个音节也由三部分构成——头辅音(phụ âm đầu)、韵(yán)和声调(thanh điệu)。在越南语头辅音部分,大多数越南语辅音均能在汉语里找出对应的音。但汉语和越南语在声母、韵母和声调方面存在差异。汉语声母有21个,越南语声母有24个;汉语韵母有35个,越南语韵母有40个;汉语声调有4个,越南语声调有6个。这些差异导致中国学生在越南语语音方面存在母语负迁移。例如,汉语声母“f”在越南语中没有对应音,中国学生在学习越南语声母“f”时,往往会用汉语声母“f”的发音来代替,导致发音不准确。又如,汉语韵母“ü”在越南语中没有对应音,中国学生在学习越南语韵母“ü”时,往往会用汉语韵母“ü”的发音来代替,导致发音不准确。再如,汉语声调“阴平”在越南语中没有对应音,中国学生在学习越南语声调“阴平”时,往往会用汉语声调“阴平”的发音来代替,导致发音不准确。

在声母方面,汉语有21个声母,越南语有24个声母。汉语声母“f”在越南语中没有对应音,中国学生在学习越南语声母“f”时,往往会用汉语声母“f”的发音来代替,导致发音不准确。又如,汉语韵母“ü”在越南语中没有对应音,中国学生在学习越南语韵母“ü”时,往往会用汉语韵母“ü”的发音来代替,导致发音不准确。再如,汉语声调“阴平”在越南语中没有对应音,中国学生在学习越南语声调“阴平”时,往往会用汉语声调“阴平”的发音来代替,导致发音不准确。这些差异导致中国学生在越南语语音方面存在母语负迁移。例如,汉语声母“f”在越南语中没有对应音,中国学生在学习越南语声母“f”时,往往会用汉语声母“f”的发音来代替,导致发音不准确。又如,汉语韵母“ü”在越南语中没有对应音,中国学生在学习越南语韵母“ü”时,往往会用汉语韵母“ü”的发音来代替,导致发音不准确。再如,汉语声调“阴平”在越南语中没有对应音,中国学生在学习越南语声调“阴平”时,往往会用汉语声调“阴平”的发音来代替,导致发音不准确。

在韵母方面,汉语有35个韵母,越南语有40个韵母。汉语韵母“ü”在越南语中没有对应音,中国学生在学习越南语韵母“ü”时,往往会用汉语韵母“ü”的发音来代替,导致发音不准确。又如,汉语声母“f”在越南语中没有对应音,中国学生在学习越南语声母“f”时,往往会用汉语声母“f”的发音来代替,导致发音不准确。再如,汉语声调“阴平”在越南语中没有对应音,中国学生在学习越南语声调“阴平”时,往往会用汉语声调“阴平”的发音来代替,导致发音不准确。这些差异导致中国学生在越南语语音方面存在母语负迁移。例如,汉语声母“f”在越南语中没有对应音,中国学生在学习越南语声母“f”时,往往会用汉语声母“f”的发音来代替,导致发音不准确。又如,汉语韵母“ü”在越南语中没有对应音,中国学生在学习越南语韵母“ü”时,往往会用汉语韵母“ü”的发音来代替,导致发音不准确。再如,汉语声调“阴平”在越南语中没有对应音,中国学生在学习越南语声调“阴平”时,往往会用汉语声调“阴平”的发音来代替,导致发音不准确。

在声调方面,汉语有4个声调,越南语有6个声调。汉语声调“阴平”在越南语中没有对应音,中国学生在学习越南语声调“阴平”时,往往会用汉语声调“阴平”的发音来代替,导致发音不准确。又如,汉语韵母“ü”在越南语中没有对应音,中国学生在学习越南语韵母“ü”时,往往会用汉语韵母“ü”的发音来代替,导致发音不准确。再如,汉语声母“f”在越南语中没有对应音,中国学生在学习越南语声母“f”时,往往会用汉语声母“f”的发音来代替,导致发音不准确。

① 吴永福,《越南语语音教学中的母语负迁移问题》,《广西民族大学学报》,2010(1)。

② 吴永福,《越南语语音教学中的母语负迁移问题》,《广西民族大学学报》,2010(1)。

中国学生越语学习中的母语负迁移现象分析

于在照 江海燕

摘要:中国学生学习越南语在受到母语的正迁移影响的同时,还受到母语负迁移的干扰,这是中国学生学习越南语一个不应忽视的因素。本文通过问卷调查的方式、运用语言对比分析和定量分析的方法,对中国学生在学习越南语过程中的母语负迁移现象进行了较为系统的剖析,同时探寻了纠正母语负迁移的方法和途径。

关键词:中国学生,越语学习,母语负迁移

一、问题的提出

中国学生在学习越南语过程中受到母语的正迁移影响是不言而喻的。这可以归结为中越两国文化类似、汉语和越南语两种语言类型相似以及越南语中大量汉越词的存在。同时,我们在越南语教学实践中也发现,中国学生在学习越南语过程中产生的偏误除了学习动机、学习方法、教材以及课堂讲授等方面的影响外,母语负迁移的干扰是一个不应忽视的因素。

长期以来,不少学习越南语的中国学生总以为越南语受汉语的影响,跟汉语差不多,容易学,^①而忽略了越南语诸多不同于汉语的细微之处。最后导致越南语学习效果不理想,甚至有的学生经过几年越南语学习之后,在写作和会话等方面仍汉语味十足,成了典型的“汉语式越南语”。^②鉴于此,我们试图借助自己的教学经验和体会、通过问卷调查的方式、运用语言对比分析和定量分析的方法,对中国学生在学习越南语过程中的母语负迁移现象进行较为系统的分析,同时探寻纠正母语负迁移的方法和途径。

二、中国学生越南语学习过程中的母语负迁移现象分析

对于已经掌握了某一语言的基本语音、词汇和语法结构的外语学习者来说,其外语语音、词汇和语法结构的学习必然会受到母语语音、词汇、语义和语法知识的影响。同时,不同民族有着不同的交流模式和话语结构,母语中已有的这方面知识也必然会以种种方式影响外语交流模式和话语结构的习得。这种影响称为外语学习中母语迁移(transfer)现象。迁移分为正迁移(positive transfer)与负迁移(negative transfer)两种。当母语规则与外语规则相同时,产生正迁移;而当母语规则与外语规则出现差异,尤其是表面相似但实际不同时,往往产生负迁移。负迁移会造成语言错误及学习困难。

① 在最近我们对二、三、四年级学生的问卷调查中,当我们问到“英语和越南语相比较,哪种外语更容易学?容易在何处?”时,有95.2%的学生认为越南语比英语容易学,有54.6%的学生认为越南语与汉语有很多相似之处。

② 在我们的问卷调查中,当我们问到“越南语写作方面,难在何处?”时,有19.5%的学生表示很难摆脱汉语的思维习惯。